

Bản án số: 327/2018/HS-ST
Ngày: 21/9/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nghĩa.
2. Bà Nguyễn Triều Hoa.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Chiến Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 488/2018/HSST ngày 20/8/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4027/2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Đinh Thị N, sinh năm: 1984 tại tỉnh Hòa Bình; nơi thường trú: 32/1 Phước Tiến, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; chỗ ở: 217/13 Đ, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: chăm sóc da và trang điểm; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn C và bà Quách Thị D; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 20/5/2014. (có mặt).

Người bào chữa: Luật sư Trần Hải Đức thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Đinh Thị N. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 20/5/2014, Công an phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 tiến hành kiểm tra hành chính Phòng 202 Khách sạn A25 Số 14, đường Lương Hữu Khánh, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 phát hiện bắt quả tang Đinh Thị N có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy, thu trên kệ tủ và trong hộc tủ gần

đầu giường Phòng 202 các chất tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 102,0947 gam, loại Methamphetamine và 0,1596 gam loại Ketamine, tại thời điểm bắt giữ có Trần Văn Nam đang ở cùng phòng khách sạn với N, Nam khai không biết N tàng trữ số ma túy nêu trên. Tiến hành khám xét nơi N thuê ở tại địa chỉ số 217/13 Đề Thám, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 thu giữ chất bột màu trắng còn dính trên 01 chiếc muỗng nhựa (N dùng để phân chia ma túy), qua giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 1,8605g, loại Methamphetamine.

Toàn bộ số vật chứng là ma túy thu giữ của Đinh Thị N được giám định theo Kết luận giám định số 1034, 1035/KLGĐ-H ngày 23/5/2014 và kết luận giám định bổ sung số 101/KLGĐBS-H và số 101/KLGĐBS-H ngày 03/4/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Cơ quan điều tra Đinh Thị N khai: Do nghiện ma túy dạng (đá) nên N đã mua bán ma túy tổng hợp từ tháng 02/2014 để có tiền sử dụng ma túy và tiêu xài, nguồn ma túy N mua của một đối tượng nữ tên Phương ở Hải Phòng (không rõ lai lịch) về bán lại cho các đối tượng khác. Vào ngày 18/5/2014, N mua 100g ma túy đá để bán lại và một ít Ketamine (0,1596 gam) để sử dụng cho bản thân với giá 80.000.000 đồng tại Công viên 23/9, Quận 1 rồi mang về Phòng 202 Khách sạn A25 số 14, đường Lương Hữu Khánh, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 phân chia số ma túy đá ra thành 02 gói để bán lại cho đối tượng nam tên Phương (không rõ lai lịch) nhưng chưa kịp bán và sử dụng, đến ngày 20/5/2014 bị cáo bị khám xét, bắt giữ. Ngoài ra, trước khi bị bắt, N đã 02 lần mua ma túy của người phụ nữ tên Phương: Lần đầu vào khoảng tháng 02/2014, N mua 50gam ma túy đá với giá 40.000.000 đồng về phân ra thành 10 gói nhỏ bán lại cho các đối tượng khác với giá 4.200.000đồng/1gói; lần thứ hai cách lần thứ nhất khoảng 01 tháng N mua 100 viên thuốc lắc với giá 12.000.000 đồng về bán lại 15.000.000 đồng, lãi 3.000.000 đồng.

Trần Văn Nam khai nhận phù hợp với lời khai của N, Nam là bạn mới quen của N, ngày 19/5/2014, N cùng Nam đi chơi, ăn uống rồi rủ Nam về Phòng 202 Khách sạn A25 để nghỉ ngơi thì bị bắt giữ, Nam không biết việc mua bán, cất giấu ma túy của N. Qua xác minh được biết Nam đang bị truy nã theo Quyết định số 22 ngày 25/4/2014 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã bàn giao Nam cho Công an phường Phạm Ngũ Lão, quận 1 làm thủ tục bắt người theo Quyết định truy nã để chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh theo quy định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2016/HSST ngày 06/01/2016 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xử phạt bị cáo Đinh Thị N 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 560/2016/HS-PT ngày 06/10/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận định kết quả giám định số ma túy thu giữ của bị cáo N thể hiện có chất Methamphetamine và Ketamine

nhưng không xác định rõ hàm lượng chất ma túy là chưa đầy đủ, chưa đúng nên chưa đủ căn cứ để xác định định lượng ma túy bị cáo mua bán để làm căn cứ định khung hình phạt đối với bị cáo. Do vậy, cấp phúc thẩm đã hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2016/HSST ngày 06/01/2016, giao hồ sơ cho Cơ quan điều tra để điều tra lại.

Tại bản Cáo trạng số 185/CTr-VKS-P1 ngày 08/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Đinh Thị N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa bị cáo Đinh Thị N khai nhận: khi bị cáo bị khám xét tại Phòng 202 Khách sạn A25 Số 14, đường Lương Hữu Khánh, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, công an đã thu giữ trong học tủ sát giường bên phải có một túi vải màu đen, bên trong có hai gói nylon nhỏ (một gói chứa tinh thể rắn không màu, một gói chứa chất bột màu trắng) sau này giám định có khối lượng là 2,4484g Methamphetamine và 0,1596g Ketamine (tổng cộng là 2,608g); thu giữ trên bàn một hộp giấy màu nâu bên trong có hai gói nylon chứa tinh thể rắn không màu sau này giám định có khối lượng là 49,7620g Methamphetamine và 49,8843g Methamphetamine (tổng cộng là 99,6463g). Trong số ma túy thu giữ trên thì số ma túy trong học tủ (2,608g Methamphetamine và ketamine) là ma túy trước đó bị cáo mua của người phụ nữ tên Phương để sử dụng dần; còn số ma túy thu giữ trong hộp giấy trên bàn (99,6463g Methamphetamine) là ma túy bị cáo mới mua của người phụ nữ tên Phương để bán lại cho người nam giới tên Phương nhưng chưa kịp bán thì bị phát hiện bắt giữ. Ngoài ra, số ma túy thu giữ khi khám xét nơi bị cáo thuê ở tại địa chỉ số 217/13 Đề Thám, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 là gói nylon chứa chất bột màu trắng còn dính trên 02 chiếc muỗng nhựa được cạo ra, qua giám định là ma túy ở thể rắn có khối lượng 1,8605g, loại Methamphetamine là ma túy bị cáo mua trước đó dùng để sử dụng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khấu trừ khối lượng ma túy dùng để sử dụng vào tổng khối lượng ma túy mua bán để giảm khung hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: mặc dù tại phiên tòa bị cáo Đinh Thị N có thay đổi lời khai về số ma túy khi bị bắt quả tang có phân ra làm 02 loại dùng để bán và đề sử dụng nhưng không đưa ra được căn cứ nào chứng minh, tại các phiên tòa trước đây bị cáo cũng thừa nhận số ma túy 103,9552 gam loại Methamphetamine dùng để bán chứ không nói tách ra để sử dụng như phiên tòa hôm nay. Sau khi phân tích lời khai của bị cáo cùng với các tình tiết, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Đinh Thị N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Đinh Thị N từ 15 năm đến 16 năm tù, buộc bị cáo nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước. Đồng thời, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo N thống nhất về tội danh truy tố nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vật chứng đã thu giữ cần phải tách số lượng ma túy bị cáo mua về để sử dụng để xem xét riêng chứ không thể gộp chung vào số ma túy bị cáo mua về để bán lại cho các đối tượng khác. Bản thân bị cáo nghiện ma túy trong thời gian dài, kết quả kiểm tra dương tính với ma túy. Lượng ma túy khi bị khám xét đã được phân chia rất rõ, cái để bán riêng, cái để sử dụng riêng, số ma túy dùng để bán chỉ là hơn 99 gam, còn 04 gam ma túy khác là bị cáo để sử dụng. Do vậy cần đề nghị xem xét áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo, chấp nhận lời khai báo của bị cáo như tại phiên tòa hôm nay để xem xét cho bị cáo một khung hình phạt thấp hơn. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự nguyện khai báo ra 02 lần mua bán ma túy trước đó, tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính là tự nguyện khắc phục hậu quả, lần đầu phạm tội, nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có ông ngoại là liệt sỹ theo điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo với mức hình phạt dưới mức mà Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo Đinh Thị N đồng ý với lời bào chữa của luật sư, không tranh luận gì thêm, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Tranh luận lại ý kiến của vị luật sư, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: đề nghị tách các hành vi phạm tội của bị cáo theo như lời khai của bị cáo về hành vi mua bán và hành vi sử dụng ma túy là không có căn cứ bởi lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra cũng như các phiên tòa khác bị cáo đã thừa nhận toàn bộ số ma túy dùng để mua bán nên không đủ cơ sở để xác định bị cáo có 02 hành vi với hai tội danh khác nhau. Về tình tiết giảm nhẹ mà luật sư nêu thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đối đáp lại quan điểm của Viện kiểm sát, luật sư Trần Hải Đức giữ nguyên quan điểm tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã nghiện ma túy với thời gian dài nên cần phải để lại ma túy để sử dụng, về vật chứng thì đề nghị trả lại cho bị cáo số tiền 15 triệu đồng, 03 điện thoại, 01 đồng hồ đeo tay vì đây là tài sản cá nhân của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đinh Thị N đã khai nhận toàn bộ những hành vi phạm tội do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được xác định qua biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung và vật chứng thu giữ được có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ căn cứ xác định: Do nghiện ma túy đá nên bị cáo Đinh Thị

N đã mua bán ma túy tổng hợp từ tháng 02/2014 để có tiền sử dụng ma túy và tiêu xài, nguồn ma túy bị cáo mua của một đối tượng nữ tên Phương (không rõ lai lịch), sau đó về phân nhỏ bán lại cho các con nghiện khác. Ngày 18/5/2014, tại Công viên 23/9, Quận 1, bị cáo đã mua của Phương 100g ma túy đá qua giám định có khối lượng là 102,0947gam loại Methamphetamine để bán và một ít ma túy dạng khay có khối lượng 0,1596gam loại Ketamine để sử dụng với giá 80.000.000 đồng rồi mang về Phòng 202 Khách sạn A25 số 14, đường Lương Hữu Khánh, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 phân chia số ma túy đá ra thành 02 gói để bán lại cho đối tượng nam tên Phương (không rõ lai lịch) nhưng chưa kịp bán, đến ngày 20/5/2014 thì bị cáo bị khám xét, thu giữ toàn bộ số ma túy trên. Ngoài ra, số ma túy còn dính trên 01 chiếc muống nhựa khi khám xét nơi ở của bị cáo có khối lượng 1,8605g, loại Methamphetamine là ma túy còn sót lại trong quá trình bị cáo phân chia thành các gói ma túy để bán cho người nghiện. Tổng khối lượng ma túy bị thu giữ dùng để bán là 103,9552g loại Methamphetamine, số ma túy bị cáo mua về để sử dụng có khối lượng là 0,1596gam loại Ketamine. (Theo Kết luận giám định số 1034, 1035/KLGĐ-H ngày 23/5/2014; kết luận giám định bổ sung số 101/KLGĐBS-H và số 101/KLGĐBS-H ngày 03/4/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngoài ra, bị cáo còn khai nhận, trước khi bị bắt đã 02 lần mua ma túy cũng của người phụ nữ tên Phương: Lần đầu vào khoảng tháng 02/2014, bị cáo mua 50gam ma túy đá với giá 40.000.000 đồng về phân ra thành 10 gói nhỏ bán lại cho các đối tượng khác với giá 4.200.000đồng/1gói; lần thứ hai cách lần thứ nhất khoảng 01 tháng bị cáo mua 100 viên thuốc lắc với giá 12.000.000 đồng về bán lại 15.000.000 đồng, thu lợi 3.000.000 đồng. Những lần mua bán này chỉ có lời khai của bị cáo, không thu giữ được vật chứng, không có chứng cứ nào khác, bị cáo mong muốn được tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính này nhưng không có căn cứ nào để xem xét.

Riêng 0,1596gam ma túy ở thể rắn loại Ketamine chưa đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự, bị cáo khai nhận do nghiện ma túy nên mua về để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị khám xét thu giữ.

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ xác định bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng trọng lượng ma túy mua bán khi bị bắt quả tang, khám xét thu giữ qua giám định có khối lượng là 103,9552gam loại Methamphetamine và truy tố bị cáo Đinh Thị N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung 2009 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Đối với nội dung của bản án hình sự phúc thẩm số 560/2016/HS-PT ngày 06/10/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị cần phải giám định hàm lượng các chất ma túy theo. Hồ sơ vụ án thể hiện, Tòa đã nhiều lần trả hồ sơ điều tra bổ sung đề nghị giám định hàm lượng Methamphetamine đối với số lượng ma túy đã thu giữ của bị cáo N. Quá trình điều tra lại vụ án, Cơ quan điều tra đã yêu cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an

Thành phố Hồ Chí Minh giám định bổ sung theo kết luận giám định bổ sung số 101/KLGĐBS-H và số 101/KLGĐBS-H ngày 03/4/2018 đã xác định chất ma túy thu giữ trong quá trình bắt, khám xét của bị cáo Đinh Thị N là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine và loại Ketamine. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo khối lượng ma túy đã thu giữ.

Hội đồng xét xử xét thấy, chất ma túy mà bị cáo N phạm tội trong vụ án này đã được Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh giải thích là phù hợp, đúng theo quy định pháp luật. Ngoài ra, theo Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015, Công văn số 2955 (C44) ngày 29/8/2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an và Công văn số 289/TANDTC-PC ngày 27/9/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, đặc biệt là Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội có nội dung hướng dẫn về việc xử lý các vụ án về ma túy thì các chất ma túy thu giữ trong vụ án này là ma túy ở thể rắn loại Methamphetamine, Ketamine không thuộc trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định hàm lượng để xác định khối lượng chất ma túy. Do đó, đề nghị cần phải giám định hàm lượng đối với số lượng ma túy thu giữ của bị cáo N là không có cơ sở để chấp thuận.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại đến việc quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy mà còn xâm hại trực tiếp đến trật tự an xã hội, tiếp tay cho tệ nạn ma túy gia tăng. Bị cáo biết rất rõ ma túy là một tệ nạn xã hội nguy hiểm, không chỉ hủy hoại sức khỏe con người, là nguyên nhân lây lan, phát triển căn bệnh HIV-AIDS, mà còn là nguồn gốc phát sinh ra nhiều loại tội phạm khác. Do vậy, cần thiết phải áp dụng tội danh và hình phạt của điều luật truy tố quy định tại Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để xử phạt bị cáo với mức án tương xứng thì mới có tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Đồng thời, áp dụng khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đại diện viện kiểm sát và vị luật sư bào chữa cho bị cáo đã đề cập như: bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; gia đình bị cáo có người thân là liệt sỹ có công hiến cho sự nghiệp cách mạng và khối lượng ma túy bị cáo bị truy tố nằm ở đầu khung hình phạt của khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự. Từ đó, áp dụng các quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Về đề nghị của luật sư cho rằng bị cáo mong muốn được nộp lại số tiền thu lợi bất chính là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả là không phù hợp. Đối với lời trình bày của bị cáo tại

phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khẩu trừ khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ để sử dụng gồm 2,608g MA, Ketamine và 1,860g MA vào tổng khối lượng ma túy xét xử đối với bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy, xét thấy tại các phiên tòa trước đây, cũng như hồ sơ vụ án bị cáo đều không khai nhận số lượng hơn 04gam ma túy là để sử dụng nên không có cơ sở để xem xét. Ngoài ra, nếu tách số ma túy sử dụng và mua bán ra riêng lẻ thì bị cáo cũng phải chịu trách nhiệm hình sự về hai tội danh khác nhau, bị cáo cũng không đưa ra được căn cứ nào để chứng minh cho yêu cầu này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

Riêng số ma túy bị cáo khai nhận trong các lần mua bán trước khi bị bắt, và khối lượng ma túy bị cáo mua để sử dụng chưa đủ định lượng chịu trách nhiệm hình sự. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét truy tố nên không có cơ sở để tính bị cáo phạm tội thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần. Về số tiền thu lợi bất chính, ngoài lời khai của bị cáo không có căn cứ nào để xác định bị cáo có thu lợi bất chính nên không có cơ sở để buộc bị cáo phải nộp lại.

Đối với Trần Văn Nam, do không có căn cứ xác định Nam liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Đinh Thị N nên cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý hình sự. Tuy nhiên, qua xác minh cho thấy Nam đang bị truy nã theo Quyết định số 22 ngày 25/4/2014 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã bàn giao Nam cho Công an phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 tiến hành thủ tục bắt người theo Quyết định truy nã để chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh theo qui định.

Đối với đối tượng nữ tên Phương (người bán ma túy cho N) và đối tượng nam tên Phương (người mua ma túy của N) do N khai không rõ nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để xác minh làm rõ và xử lý.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số ma túy còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành và các vật chứng gồm: bình tự chế, chai, hũ nhựa, nỏ thủy tinh, bịch nylon, bao thư, túi xách, hộp gỗ để khăn giấy không còn giá trị sử dụng thì tịch thu tiêu hủy.

- Đối với điện thoại di động, cân điện tử là phương tiện, công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Đối với: loa điện tử, đồng hồ đeo tay, bộ máy vi tính không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 15.000.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo và cũng không phải là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

- Đối với số vật chứng thu giữ của Trần Văn Nam gồm: 15.000.000 đồng; 03 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 máy tính xách tay hiệu Compac, 01 xe ô tô hiệu Chevrolet, biển số 52P-4007. Do Nam đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh truy nã theo Quyết định truy nã số 22 ngày 25/4/2014; những đồ vật thu của Nam đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 1 bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh xử lý theo thẩm quyền. Riêng xe ô tô biển số 52P-4007 qua xác minh là tài sản hợp pháp của chị Lê Huỳnh Phương Vi và không liên quan đến hành vi phạm tội của Nam và N, cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã trả lại cho chị Vi. Hội đồng xét xử xét thấy các tang vật này đã được xử lý theo đúng quy định nên không xem xét xử lý trong vụ án này.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đinh Thị N không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Luật sư bào chữa cho bị cáo Đinh Thị N không có ý kiến về quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Đinh Thị N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt Đinh Thị N 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/5/2014.

Buộc bị cáo phải nộp phạt bổ sung số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 03 gói niêm phong số 1034/2014, 1035/2014; 01 chai nhựa có gắn ống thủy tinh; 01 chai thủy tinh đầu có gắn ống thủy tinh để trong khay đựng hình dáng chiếc xe đạp; 02 hủ nhựa; 03 nỏ thủy tinh; một số bịch nylon nhỏ; 01 hộp gỗ để khăn giấy; 01 túi xách nhỏ; 01 bao thư.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 cân điện tử và 03 điện thoại di động: Samsung - 356555/05/754953/0, Vega - 353846050759652, Mobistar - 352207021408591.

- Trả lại cho bị cáo Đinh Thị N: 01 loa điện tử, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Guess và 01 bộ máy vi tính gồm: 01 màn hình, 01 CPU (máy không khởi động nguồn được).

- Trả lại cho bị cáo 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số 137/15 ngày 08/01/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy nộp tiền vào tài khoản của Cơ quan CSĐT Công an Thành phố Hồ Chí Minh tại Kho bạc nhà nước Quận 10 ngày 16/7/2014).

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM; (2)
- VKSND TP.HCM; (1)
- Cục THA-DS; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (2)
- Phòng THA-HS; (1)
- Công an TP.HCM; (1)
- Phòng PC 53-CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Sở tư pháp; (1)
- Luật sư; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (P/21) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Nguyễn